

CTCP VINCOM RETAIL – HSX: VRE

ĐÒN BẦY TỪ HỆ SINH THÁI VINGROUP

KHUYẾN NGHỊ: MUA

Giá mục tiêu: 31,500

Upside: +30%

Ngành Bất động sản | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với VRE khi nhận thấy giá cổ phiếu tiếp tục duy trì ở mức định giá hấp dẫn và nâng +14% giá mục tiêu lên **31,500 VND/CP (upside +30%)** so với **báo cáo trước đó** do triển vọng mở rộng diện tích sàn tích cực nhờ tiến độ triển khai dự án của VHM được đẩy nhanh.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2025: BSC điều chỉnh giảm nhẹ dự báo lần lượt **-1.0%/-1.6% dự phóng DTT/LNST-CĐTS xuống còn 9,128 tỷ VND (+2% YoY)/4,413 tỷ VND (+8% YoY)** phần lớn do điều chỉnh giảm giá cho thuê đi ngang so với 2024. Diện tích sàn thương mại tăng thêm +6.5% YoY trong 2025 bù đắp sự sụt giảm mạnh của doanh thu mảng kinh doanh shophouse còn 200 tỷ VND (-76.2% YoY)

CẬP NHẬT KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025

Tại ĐHCĐ năm 2025, doanh nghiệp đặt kế hoạch **DTT = 9,520 tỷ VND (+6.5% YoY)**, **LNST-CĐTS = 4,700 tỷ VND (+15% YoY)** chủ yếu đến từ mảng cho thuê cốt lõi và doanh thu từ hoạt động tài chính, trong đó đóng góp từ kinh doanh shophouse hạn chế với doanh thu chỉ khoảng 220 tỷ VND (-73.8% YoY).

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Định giá hấp dẫn:** VRE đã ghi nhận hiệu suất +32.7% kể từ báo cáo gần nhất nhưng cổ phiếu hiện vẫn đang giao dịch tại $EV/EBITDA\ 2025F = 9.8x$ - thấp hơn mức -1 lần độ lệch chuẩn và thấp hơn 14.0-15.5x của các doanh nghiệp cùng ngành.
- Diện tích sàn thương mại được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh trong 5 năm tới tương đồng với kế hoạch triển khai dự án của VHM.** Trong năm 2025, VRE dự kiến vận hành mới 3 TTTM bao gồm VMM Ocean Park, VMM Royal Island và VCP Vinh, qua đó nâng tổng diện tích sàn thương mại lên mức 1,961 triệu m² (+6.5% YoY). Dựa trên kế hoạch mở bán dự án của VHM, chúng tôi kỳ vọng trong 3-5 năm tới VRE sẽ mở mới thêm 6-7 dự án tập trung ở các đại đô thị tại TP HCM-Hà Nội (The Global Gate, Wonder Park, Long Beach) và tại các tỉnh công nghiệp Hải Phòng – Long An – Quảng Ninh.

RỦI RO: Thời điểm vận hành các TTTM mới chậm hơn kỳ vọng, chi phí đầu tư mới cao.

KQKD	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	9,791	8,939	9,128	10,941
Lợi nhuận gộp	5,346	4,755	5,044	6,051
NPATMI	4,409	4,096	4,413	5,355
EPS	1,893	1,759	1,895	2,299

Trung tâm phân tích BSC

Lâm Việt

(Chuyên viên phân tích cao cấp)

viatl@bsc.com.vn

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	24,150
Cổ phiếu LH (Triệu):	2,272
Vốn hoá (Tỷ VND):	54,876
Thanh khoản 30n (Triệu):	8.9
Sở hữu nước ngoài:	19.4%

I. CẬP NHẬT KQKD 1Q2025

Bảng 1: Tóm tắt KQKD 1Q2025

(Tỷ VND)	2023	2024	% YoY	1Q2024	1Q2025	% YoY
Doanh thu thuần	9,791	8,939	-8.7%	2,255	2,131	-5.5%
<i>Chuyển nhượng BĐS</i>	1,772	839	-52.6%	277	48	-82.6%
<i>Cho thuê TTTM</i>	7,796	7,878	1.0%	1,928	2,026	5.1%
<i>Khác</i>	223	222	-0.5%	50	57	13.6%
Lợi nhuận gộp	5,346	4,755	-11.0%	1,255	1,202	-4.2%
<i>% Biên LNG</i>	55%	53%		56%	56%	
Chi phí bán hàng	(341)	(341)	-0.1%	(64)	(67)	5.2%
Chi phí QLDN	(439)	(642)	46.3%	(143)	(105)	-26.5%
<i>%SG&A/Revenue</i>	8%	11%		9%	8%	
EBIT	4,566	3,773	-17.4%	1,048	1,030	-1.8%
Doanh thu tài chính	1,146	1,786	55.8%	435	625	43.6%
Chi phí tài chính	(330)	(838)	153.6%	(140)	(243)	72.7%
LNTT	5,526	5,133	-7.1%	1,367	1,476	7.9%
LNST	4,409	4,096	-7.1%	1,083	1,177	8.8%
<i>% Biên LNR</i>	45%	46%		48%	55%	

Nguồn: VRE, BSC Research

Mảng cho thuê tiếp tục phục hồi ổn định, lợi nhuận được dẫn dắt bởi doanh thu tài chính.

Doanh thu thuần đạt 2,131 tỷ VND (-5.5% YoY) và LNST-CĐTS đạt 1,177 tỷ VND (+9% YoY) – lần lượt tương đương 23.3%/27% dự phóng doanh thu/lợi nhuận của chúng tôi. Trong đó, động lực chính vẫn đến từ mảng vận hành cho thuê TTTM:

- **Mảng cho thuê TTTM:** doanh thu đạt 2,026 tỷ VND (+5% YoY) và biên LNG = 57.9% giảm so với mức 60% cùng kỳ.
- **Mảng kinh doanh BĐS:** doanh thu đạt 48 tỷ VND (-82% YoY) do chỉ 9 sản phẩm được bàn giao so với 45 sản phẩm cùng kỳ 1Q2024
- Doanh thu tài chính tiếp tục tăng +43.7% YoY lên mức 625 tỷ VND do lãi phát sinh từ các khoảng đặt cọc, HTĐT tăng thêm 8,190 tỷ VND (+63.6% YoY) từ 2H2024.

Kế hoạch mở mới TTTM:

- **Năm 2025:** dự kiến mở mới 3 TTTM như chúng tôi kỳ vọng, bao gồm VMM Ocean Park, VMM Vũ Yên, VCP Vinh
- **Năm 2026:** VMM Cổ Loa, VCP Đan Phượng

II. CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP 2025 – Tiếp tục đón bẫy từ hệ sinh thái Vingroup

1. Mảng cho thuê TTTM: bước vào chu kỳ mở rộng mới

Giai đoạn 2022-2024, VRE đã tham gia triển khai TTTM tại tất cả các dự án thương mại của Vingroup bao gồm 3 VMM (Grand Park, Ocean Park, Royal Island), đồng thời kinh doanh shophouse tại 2 dự án (Golden Avenue, Royal Island). Giai đoạn 2025-2027, tập đoàn dự kiến phát triển thêm 7 dự án BĐS quy mô lớn (trên 150ha), tạo nền tảng thuận lợi để VRE tận dụng mối quan hệ hợp tác sẵn có nhằm mở rộng diện tích sàn bán lẻ, hướng tới mục tiêu mở rộng 800,000 m2 diện tích sàn thương mại trong trung-dài hạn tương đương +38.3% quy mô hiện tại.

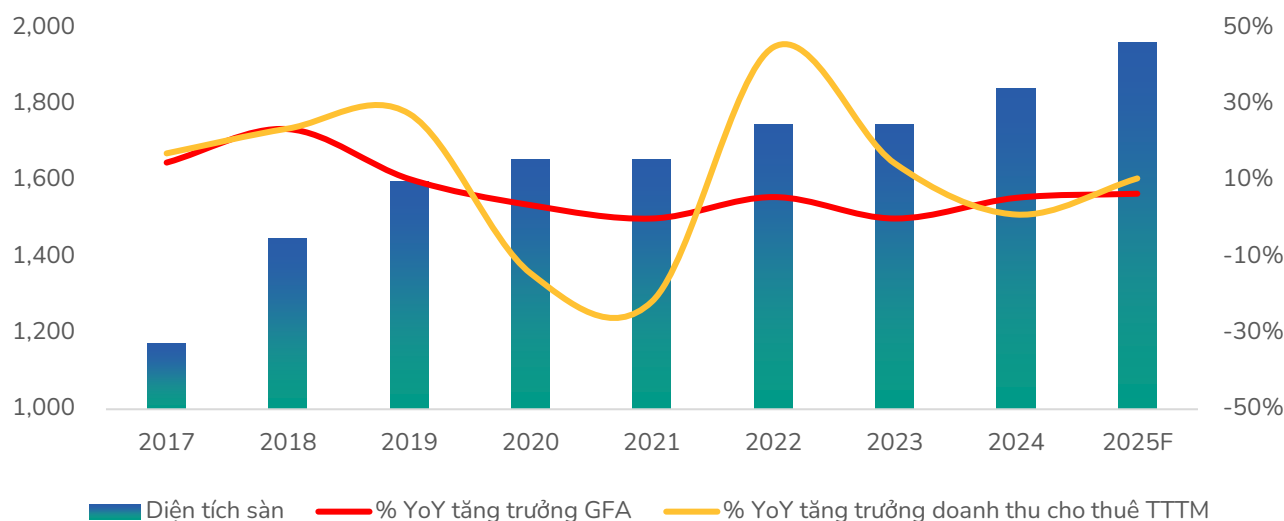
Trước mắt trong năm 2025, doanh nghiệp dự kiến đưa vào vận hành 3 TTTM mới bao gồm VMM Ocean Park (2Q2025 – 53,200 m2 GFA), VMM Royal Island (3Q2025 – 44,500 m2 GFA) và VCP Vinh (4Q2025 – 19,200 m2 GFA) nâng tổng diện tích sàn bán lẻ lên mức 1,961,000 m2 GFA (+6.5% YoY).

Hình 1: Thời điểm vận hành TTTM thường rơi vào năm cuối cùng của các đại dự án do VHM triển khai

Dự án	Vị trí	Quy mô (ha)	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Grand Park	HCMC	271								
Ocean Park 1, 2, 3	Hưng Yên	1,172								
Golden Avenue	Bắc Giang	116								
Royal Island	Hải Phòng	865								
The Global Gate	Hà Nội	290								
Wonder Park	Hà Nội	133								
Hậu Nghĩa - Đức Hòa	Long An	197								
Dương Kinh - Kiến Thụy	Hải Phòng	240								
Phước Vĩnh Tây	Long An	1,089								
Long Beach Cần Giỏi	HCMC	2,870								
IUT Hoắc Môn	HCMC	880								
Appollo City	Quảng Ninh	5,489								

Nguồn: VRE, BSC Research

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng doanh thu tương đồng với tốc độ tăng trưởng diện tích sàn



Nguồn: VRE, BSC Research

2. Mảng kinh doanh BĐS: Hợp tác đầu tư kinh doanh shophouse tại Golden Avenue và Royal Island dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận năm 2026

VRE đã đặt cọc hơn 5,500 tỷ VND cho VHM để mua lại cấu phần shophouse tại Vinhomes Royal Island (1,000 sản phẩm) và Vinhomes Golden Avenue (200 sản phẩm) trong năm 2024. Doanh nghiệp dự kiến mở bán trong nửa cuối năm 2025 và bắt đầu bàn giao từ 2026. Theo ước tính của chúng tôi, 2 dự án sẽ mang về doanh thu thuần khoảng 13,064 tỷ VND và lợi nhuận ròng 3,919 tỷ VND, trong đó các sản phẩm tại Golden Avenue sẽ được bàn giao chính trong năm 2026 mang về 1,500 tỷ doanh thu (gấp 7.5 lần 2025) trong khi Royal Island sẽ đóng góp lợi nhuận trong năm 2027.

III. DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2025-2026

Năm 2025: Nhìn chung, chúng tôi duy trì dự phóng KQKD năm 2025 của doanh nghiệp khi chỉ điều chỉnh giảm nhẹ -1.0% cho DTT và -1.6% cho LNST-CĐTS do điều chỉnh kỳ vọng từ giá cho thuê tăng +3% YoY về còn đi ngang so với năm 2024 nhằm duy trì khách thuê dựa trên quan điểm thận trọng về tốc độ phục hồi kinh tế, sức mua của thị trường so với thời điểm cuối năm 2024. Theo đó, **DTT đạt 9,128 tỷ VND (+2% YoY) và LNST-CĐTS đạt 4,413 tỷ VND (+8% YoY).**

Năm 2026: BSC dự báo **DTT = 10,941 tỷ VND (+20% YoY) và LNST-CĐTS = 5,355 tỷ VND (+21% YoY)** chủ yếu nhờ (1) sự đóng góp mạnh mẽ trở lại của mảng kinh doanh shophouse từ bàn giao các sản phẩm tại Golden Avenue với doanh thu đạt 1,500 tỷ VND (gấp 7.5 lần năm 2025) và (2) các TTTM mới đưa vào vận hành năm 2025 được vận hành xuyên suốt năm 2026 mang về 9,219 tỷ VND doanh thu (+5.9% YoY).

Bảng 2: Dự phóng KQKD 2025-2026

Đơn vị: Tỷ VND	2024	2025	% YoY	2026	% YoY
Doanh thu	8,939	9,128	2.1%	10,941	19.9%
Chuyển nhượng BĐS	839	200	-76.2%	1,500	650.0%
Cho thuê TTTM	7,878	8,706	10.5%	9,219	5.9%
Giá vốn hàng bán	(4,184)	(4,084)	-2.4%	(4,891)	19.8%
Lợi nhuận gộp	4,755	5,044	6.1%	6,051	20.0%
Chi phí bán hàng	(341)	(285)	-16.4%	(342)	19.9%
Chi phí QLDN	(642)	(536)	-16.4%	(643)	19.9%
EBIT	3,773	4,223	11.9%	5,066	20.0%
Doanh thu tài chính	1,786	1,868	4.6%	2,002	7.2%
Chi phí tài chính	(838)	(625)	-25.5%	(424)	-32.0%
LN trước thuế	5,133	5,516	7.5%	6,693	21.3%
Thuế TNDN	(1,038)	(1,103)	6.3%	(1,339)	21.3%
Lợi nhuận sau thuế	4,096	4,413	7.7%	5,355	21.3%
LNST-CĐTS	4,096	4,413	7.7%	5,355	21.3%
EPS cơ bản (đồng)	1,759	1,895	7.7%	2,299	21.3%
Biên LN gộp	53%	55%		55%	
Biên LN ròng	46%	48%		49%	
ROE	10%	10%		10%	

Nguồn: VRE, BSC Research

IV. ĐỊNH GIÁ

VRE duy trì giao dịch tại mức định giá hấp dẫn mặc dù đã ghi nhận hiệu suất +32.7% kể từ báo cáo gần nhất nhưng cổ phiếu hiện vẫn đang giao dịch tại EV/EBITDA 2025F = 9.8x - thấp hơn mức -1 lần độ lệch chuẩn và thấp hơn 14.0-15.5x của các doanh nghiệp cùng ngành.

BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với VRE khi nhận thấy giá cổ phiếu tiếp tục duy trì ở mức định giá hấp dẫn và **tăng +14% giá mục tiêu lên 31,500 VND/CP (upside +30%)** so với báo cáo trước đó triển vọng mở rộng diện tích sàn tích cực nhờ tiến độ triển khai dự án của VHM được đẩy nhanh. Chúng tôi duy trì tỷ lệ chiết khấu 10% phản ánh rủi ro

về chi phí đầu tư cao hơn và tiến độ mở mới TTTM phụ thuộc vào tiến độ triển khai dự án của VHM.

Bảng 3: Định giá

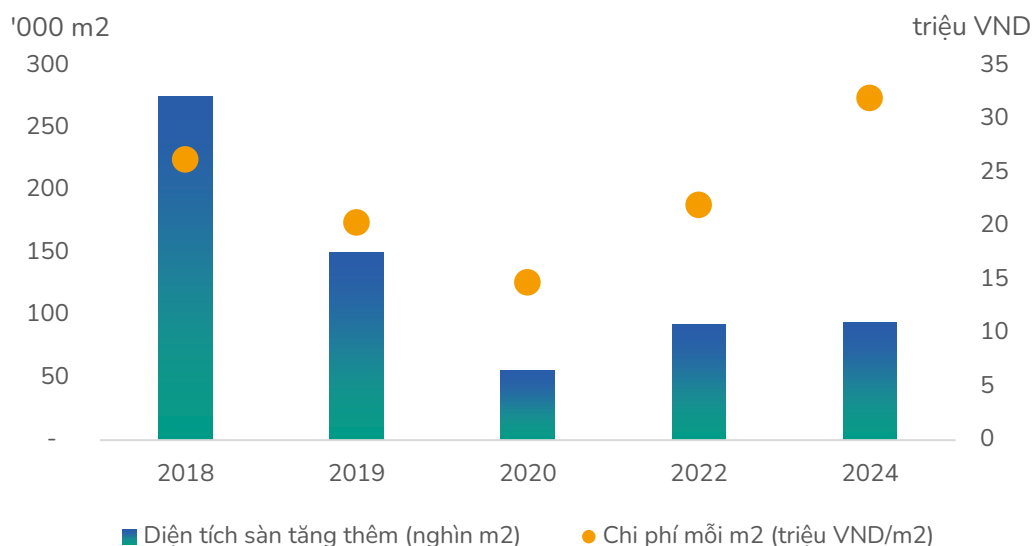
	Phương pháp	Giá trị
Mảng cho thuê BĐS và dịch vụ	Tỷ suất vốn hóa	77,229
Mảng kinh doanh BĐS	So sánh	3,919
(+) Tiền & Đầu tư ngắn hạn		3,445
(-) Nợ vay		(4,985)
Giá trị vốn chủ sở hữu		79,608
% Chiết khấu vào giá trị		10%
Giá trị VCSH sau chiết khấu		71,647
Số lượng cổ phiếu lưu hành		2,272
Giá mục tiêu		31,500
Giá hiện tại		24,150
Upside		30%
WACC		12.8%

Nguồn: BSC Research

V. RỦI RO

Rủi ro về chi phí đầu tư: Chi phí đầu tư trên mỗi m2 sàn thương mại ghi nhận tốc độ tăng 21.3% CAGR trong 2020-2024 từ 14.7 triệu VND/m2 năm 2020 lên 32 triệu VND/m2 năm 2024. Do đó, biên lợi nhuận của các TTTM trong tương lai có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

Hình 3: Chi phí đầu tư/m2 sàn thương mại



Nguồn: BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD (tỷ đồng)	2023	2024E	2025F	2026F
Doanh thu	9,791	8,939	9,128	10,941
Giá vốn hàng bán	(4,445)	(4,184)	(4,084)	(4,891)
Lợi nhuận gộp	5,346	4,755	5,044	6,051
Chi phí bán hàng	(341)	(341)	(285)	(342)
Chi phí QLDN	(439)	(642)	(536)	(643)
Lãi/lỗ HDKD	4,566	3,773	4,223	5,066
Doanh thu tài chính	1,146	1,786	1,868	2,002
Chi phí tài chính	-	(272)	-	-
Chi phí lãi vay	(330)	(566)	(625)	(424)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	144	413	50	50
LN trước thuế	5,526	5,133	5,516	6,693
Thuế thu nhập DN	(1,117)	(1,038)	(1,103)	(1,339)
LN sau thuế	4,409	4,096	4,413	5,355
CĐTS	0	-	-	-
LNST-CĐTS	4,409	4,096	4,413	5,355
EBITDA	6,020	5,152	5,625	6,470
EPS	1,893	1,759	1,895	2,299

LCTT (tỷ đồng)	2023	2024E	2025F	2026F
(lỗ)/LNST	5,526	5,133	5,516	6,693
Khấu hao và phân bổ	1,454	1,379	1,402	1,404
Thay đổi vốn lưu động	(1,492)	(3,113)	(483)	225
Điều chỉnh khác	(1,596)	(2,641)	(2,845)	(3,254)
LCTT từ HĐ KD	3,892	758	3,590	5,068
Tiền chi mua TSCĐ	(8,322)	(4,192)	(4,608)	(1,176)
Đầu tư khác	801	1,729	-	-
LCTT từ HĐ đầu tư	(7,521)	(2,463)	(4,608)	(1,176)
Tiền chi trả cổ tức	-	-	-	-
Tiền từ vay ròng	732	509	453	(1,598)
Tiền thu khác	(21)	(21)	-	-
LCTT từ HĐ tài chính	711	488	453	(1,598)
Dòng tiền đầu kỳ	7,020	4,102	2,885	2,319
Tiền trong kỳ	(2,918)	(1,217)	(565)	2,294
Dòng tiền cuối kỳ	4,102	2,885	2,319	4,614

CĐKT (Tỷ đồng)	2023	2024E	2025F	2026F
Tài sản ngắn hạn	10,036	12,312	12,554	16,512
Tiền & Tương đương tiền	4,102	2,885	2,319	4,614
Đầu tư ngắn hạn	1,071	126	126	126
Phải thu ngắn hạn	1,613	2,016	2,059	2,468
Hàng tồn kho	640	295	671	804
TS ngắn hạn khác	2,611	6,990	7,378	8,500
Tài sản dài hạn	37,617	42,914	45,628	44,322
Tài sản hữu hình	413	221	279	335
Tài sản dở dang dài hạn	1,028	802	949	947
Đầu tư dài hạn	25,180	27,084	29,601	28,241
Tài sản dài hạn khác	10,996	14,806	14,798	14,798
Tổng Tài sản	47,654	55,226	58,182	60,834
Tổng nợ ngắn hạn	4,473	5,921	7,163	4,188
Nợ phải trả	448	462	389	1,156
Vay ngắn hạn	20	2,010	2,327	608
Nợ ngắn hạn khác	4,005	3,449	4,446	2,423
Tổng nợ dài hạn	5,354	7,383	4,683	4,956
Vay dài hạn	3,916	2,523	2,658	2,779
Doanh thu chưa thực hiện	113	127	127	127
Nợ dài hạn khác	1,325	4,733	1,899	2,050
Tổng nợ phải trả	9,827	13,304	11,846	9,143
Vốn góp	23,288	23,288	23,288	23,288
Thặng dư vốn cổ phần	47	47	47	47
LN chưa phân phối	16,476	20,595	25,007	30,362
Vốn chủ khác	(2,007)	(2,007)	(2,007)	(2,007)
Cổ đông thiểu số	23	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	37,827	41,923	46,336	51,690
Tổng nguồn vốn	47,654	55,226	58,182	60,834
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)	2,329	2,329	2,329	2,329

Chỉ số (%)	2023	2024E	2025F	2026F
Khả năng thanh toán				
Hệ số TT ngắn hạn	2.2	2.1	1.8	3.9
Hệ số TT nhanh	2.1	2.0	1.7	3.8
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/TTS	8%	8%	9%	6%
Hệ số Nợ/Nguồn vốn	10%	11%	11%	7%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	53	26	60	60
Số ngày phải thu	60	82	82	82
Số ngày phải trả	133	125	125	125
CCC	(20)	(17)	18	18
Tỉ suất lợi nhuận				
Biên Lợi nhuận gộp	55%	53%	55%	55%
Biên Lợi nhuận ròng	45%	46%	48%	49%
ROE	11.7%	9.8%	9.5%	10.4%
ROA	9.3%	7.4%	7.6%	8.8%
Định giá				
PE	12.8	13.7	12.7	10.5
PB	1.45	1.31	1.18	1.06
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	34%	-9%	2%	20%
Tăng trưởng EBIT	42%	-17%	12%	20%
Tăng trưởng LNTT	61%	-7%	8%	21%
Tăng trưởng EPS	61%	-7%	8%	21%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NĂM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Dương Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhdq@bsc.com.vn

Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Tuntc@bsc.com.vn

Lưu Thuỳ Linh

Chuyên viên phân tích

Linhlt2@bsc.com.vn

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpm@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Nguyễn Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyhch@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyễn Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn